

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/DS-ST

Ngày: 31 - 5 - 2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng  
góp hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Sang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Phước Công

2. Bà Phan Thị Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị T, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp T, xã MH, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp T, xã MH, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lý Quan C, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp T, xã MH, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:

Bà có tham gia 02 dây hụi do bà Nguyễn Hồng N làm chủ hụi, cụ thể như sau:

1/ Dây hụi ngày 15/9/2019 (âm lịch), hụi 500.000 đồng, hụi nửa tháng khui 01 lần, hụi gồm có 34 phần. Khui hụi lần đầu vào ngày 15/9/2019, lần 2 là ngày 30/9/2019, lần 3 là 15/10/2019...cho đến khi kết thúc dây hụi. Dây hụi này bà tham gia 01 chân hụi và đã đóng hụi được 29 lần khui hụi với tổng số tiền 9.150.000 đồng. Dây hụi còn 05 lần khui hụi nhưng do bà N bẻ hụi và những người chơi hụi không đóng hụi nữa nên hiện nay dây hụi này đã chấm dứt. Dây hụi này bà N còn nợ lại bà số tiền đã đóng hụi là 9.150.000 đồng.

2/ Dây hụi ngày 01/12/2019 (âm lịch), hụi 200.000 đồng, hụi 01 tuần khui 01 lần, hụi gồm có 64 phần, khui hụi lần đầu vào ngày 01/12/2019, lần 2 là ngày 08/12/2019, lần 3 là 15/12/2019...cho đến khi kết thúc dây hụi. Dây hụi này bà tham gia 02 chân hụi. Trong đó, có 01 chân sống và đã đóng được 6.535.000 đồng; đối với chân hụi chết thì bà đã đóng được 51 lần, còn nợ 13 lần hụi chết chưa đóng với tổng số tiền 2.600.000 đồng. Do đó, dây hụi này bà N còn nợ lại bà số tiền: 6.535.000 đồng - 2.600.000 đồng = 3.935.000 đồng.

Do đó, tổng số tiền mà bà N còn nợ bà đối với 02 dây ngày 15/9/2019 (âm lịch) và ngày 01/12/2019 (âm lịch) là 9.150.000 đồng + 3.935.000 đồng = 13.085.000 đồng.

Bà Nguyễn Hồng N và ông Lý Quan C là vợ chồng; hiện nay bà N và ông C vẫn còn là vợ chồng.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Hồng N và ông Lý Quan C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi là 13.085.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Hồng N trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Trương Thị T về quá trình bà Trương Thị T tham gia chơi hụi đối với dây hụi ngày 15/9/2019 (âm lịch) và dây hụi ngày 01/12/2019 (âm lịch) do bà làm chủ hụi. Hiện nay bà còn nợ tiền hụi của T đối với 02 dây ngày 15/9/2019 (âm lịch) và ngày 01/12/2019 (âm lịch) là 9.150.000 đồng + 3.935.000 đồng = 13.085.000 đồng. Ông Lý Quan C và bà là vợ chồng, hiện nay vẫn còn là vợ chồng nhưng mục đích bà làm chủ hụi có thêm nhu nhập để tiêu sài cá nhân. Từ trước đến nay chồng bà (ông Lý Quan C) là người kiếm tiền để lo cho cuộc sống gia đình; còn bà kiếm tiền để tiêu sài cá nhân.

Do đó, bà đồng ý trả cho bà Trương Thị T số tiền 13.085.000 đồng. Không đồng ý có nghĩa vụ liên đới với ông Lý Quan C trả cho bà Trương Thị T số tiền 13.085.000 đồng.

Trong quá trình giải vụ án, ông Lý Quan C đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và có mặt trong tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C không đồng ý tham gia tố tụng; chỉ trình bày ý kiến “ông không có liên quan gì trong vụ án giữa bà Trương Thị T và bà Nguyễn Hồng N nên không đồng ý ký tên trong bất kỳ văn bản nào của Tòa án. Bà Nguyễn Hồng N là vợ tôi; hiện nay tôi và bà Nguyễn

*Hồng N vẫn còn là vợ chồng”.*

Tại phiên tòa,

Bà Trương Thị T yêu cầu bà Nguyễn Hồng N và ông Lý Quan C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hui là 13.085.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đồng thời, xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 8.065.000 đồng.

Bà Nguyễn Hồng N trình bày: Do thu nhập của ông Lý Quan C không ổn định nếu bà không làm chủ hui thì không đủ tiền để nuôi sống gia đình nên bà mới tổ chức chơi hui nhằm kiếm thêm thu nhập lo cho gia đình, bà có sử dụng tiền hoa hồng trong việc làm chủ hui để lo cho con; việc bà làm chủ hui ông C biết nhưng không quan tâm, không phụ giúp bà trong việc quản lý các dây hui; khi bế hui thì ông C không đồng ý cùng bà trả nợ. Do đó, bà đồng ý trả cho bà Trương Thị T số tiền 13.085.000 đồng; không đồng ý có nghĩa vụ liên đới với ông Lý Quan C trả cho bà Trương Thị T số tiền 13.085.000 đồng.

Ông Lý Quan C vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Hồng N trả cho bà số tiền 8.065.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T. Buộc bà Nguyễn Hồng N và ông Lý Quan C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị T số tiền nợ hui là 13.085.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Trương Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Hồng N và ông Lý Quan C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền hui với số tiền 13.085.000 đồng là tranh chấp về “Hợp đồng góp hui”. Đồng thời, bà Nguyễn Hồng N (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp T, xã MH, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, bà Trương Thị T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 8.065.000 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T phù hợp

khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T.

[1.3] Ông Lý Quan C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lý Quan C.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Hồng N và ông Lý Quan C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền hội với số tiền 13.085.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ lời trình bày của bà Trương Thị T và bà Nguyễn Hồng N đều thống nhất xác định giữa bà Trương Thị T và bà Nguyễn Hồng N có thỏa thuận tham gia chơi hội do bà Nguyễn Hồng N làm chủ hội, gồm:

Dây hội 500.000 đồng, gồm có 34 phần, nửa tháng mở hội 01 lần, mở hội lần đầu vào ngày 15/9/2019 (âm lịch), hội có lãi. Dây hội này bà T tham gia 01 phần hội và đã góp hội được 29 kỳ mở hội với tổng số tiền 9.150.000 đồng. Dây hội này bà N còn nợ lại bà T số tiền đã góp hội là 9.150.000 đồng và bà T chưa lĩnh hội.

Dây hội 200.000 đồng, gồm có 64 phần, 01 tuần mở hội 01 lần, mở hội lần đầu vào ngày 01/12/2019, hội có lãi. Dây hội này bà T tham gia 02 phần hội. Trong đó, có 01 phần hội bà T chưa lĩnh hội và đã góp được 51 kỳ mở hội với tổng số tiền 6.535.000 đồng; 01 phần hội bà T đã lĩnh hội và đã góp được 51 kỳ mở hội, còn nợ lại bà N 13 kỳ mở hội chưa góp với tổng số tiền 2.600.000 đồng. Do đó, dây hội này bà N còn nợ lại bà T số tiền: 6.535.000 đồng - 2.600.000 đồng = 3.935.000 đồng.

Tổng số tiền hội mà bà N còn nợ bà T đối với 02 dây hội ngày 15/9/2019 (âm lịch) và ngày 01/12/2019 (âm lịch) là 9.150.000 đồng + 3.935.000 đồng = 13.085.000 đồng. Do bà N bế hội và các thành viên tham gia dây hội không góp hội nữa nên hiện nay các dây hội này đã chấm dứt.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có đủ căn cứ xác định bà Trương Thị T với bà Nguyễn Hồng N có giao kết hợp đồng góp hội và bà Nguyễn Hồng N còn nợ bà Trương Thị T số tiền hội là 13.085.000 đồng. Việc xác lập hợp đồng góp hội giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng góp hội, bà Nguyễn Hồng N là chủ hội, đã thu phần hội của các hội viên, trong đó có 02 dây hội mà bà T tham gia với tổng số tiền 13.085.000 đồng nhưng tự ý ngưng hội là vi phạm nghĩa vụ của chủ hội theo quy định tại Điều 282, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Do đó, việc bà Trương Thị T yêu cầu bà

Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ trả lại số tiền vốn gốc đã góp hui 13.085.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với ông Lý Quan C, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để tham gia tố tụng trong vụ án và ông C có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C từ chối tham gia tố tụng, chỉ trình bày ý kiến mà không đồng ý ký tên vào biên bản xem như đã tự từ bỏ các quyền của mình được pháp luật quy định. Tuy ông Lý Quan C không trực tiếp tham gia giao dịch với bà Trương Thị T nhưng căn cứ lời trình bày của bà Nguyễn Hồng N và ông Lý Quan C, thời điểm bà N xác lập giao dịch dân sự với bà T thì bà N và ông C là vợ chồng và hiện nay quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà N vẫn chưa chấm dứt. Theo Biên bản ghi lời khai ngày 09/3/2019, bà Nguyễn Hồng N trình bày “*Mục đích làm chủ hui để kiếm thêm thu nhập nuôi sống cho gia đình*”; tại phiên hòa giải ngày 29/4/2021, bà Nguyễn Hồng N thay đổi lời khai và trình bày “*Mục đích tôi làm chủ hui để có thêm nhu nhập để tiêu sài cá nhân*”. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà Nguyễn Hồng N đã xác định, việc bà N làm chủ hui ông C biết và không phản đối, mục đích bà N làm chủ các dây hui là để có thêm thu nhập lo cho con chung và cuộc sống của vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 5 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự, có đủ căn cứ xác định việc bà N làm chủ hui phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà N và ông C, bà N sử dụng tiền hoa hồng từ việc làm chủ hui để đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nên yêu cầu của bà Trương Thị T buộc ông Lý Quan C có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Hồng N trả cho bà T số tiền 13.085.000 đồng phù hợp Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T. Buộc bà Nguyễn Hồng N và ông Lý Quan C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị T tổng số tiền hui còn nợ là 13.085.000 đồng.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T được chấp nhận nên bà Nguyễn Hồng N và ông Lý Quan C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà Trương Thị T theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Điều 26, 35, 39, 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 288, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T về việc buộc bà Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị T số tiền 8.065.000 đồng.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T.

Buộc bà Nguyễn Hồng N và ông Lý Quan C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị T số tiền 13.085.000 (mười ba triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Hồng N và ông Lý Quan C có nghĩa vụ liên đới chịu 654.000 (sáu trăm năm mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phước Sang**

